ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 99 /2026/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 439/TTr-SNNMT ngày 25 tháng 5 năm 2026 và Báo cáo số 683/BC-SNNMT ngày 30 tháng 5 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 249/BC-STP ngày 15 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2026.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các Quyết định sau đây hết hiệu lực:

a) Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

c) Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

d) Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

đ) Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cồng kềnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

e) Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

g) Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

h) Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Lý Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi và các Đoàn thể Chính trị - Xã hội tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, CNXD, KTTH, NC;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.LTHH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đỗ Tâm Hiển

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 99/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết việc quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 6 Điều 62, khoản 8 Điều 64, khoản 7 Điều 72, khoản 2 và khoản 6 Điều 75, khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; khoản 22, khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15; khoản 7 Điều 73 Luật Giá số 16/2023/QH13 và khoản 5 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Những nội dung không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường và các quy định phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến việc quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động quản lý chất thải* là các hoạt động kiểm soát chất thải trong suốt quá trình tự phát sinh, phân loại đến thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời, tái chế, xử lý hoặc tái sử dụng nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người.

2. *Quản lý chất thải rắn xây dựng* là các hoạt động kiểm soát chất thải rắn xây dựng trong suốt quá trình từ phát sinh, phân loại đến thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời, tái chế, xử lý, chôn lấp hoặc tái sử dụng nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người.

3. *Chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng* là chủ đầu tư hoặc nhà thầu chính thi công xây dựng công trình *(được chủ đầu tư giao trách nhiệm thông qua hợp đồng)* có phát sinh chất thải rắn xây dựng.

4. *Chất thải cồng kềnh* là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, nệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây được quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5. *Phân loại chất thải cồng kềnh* là hoạt động phân loại các sản phẩm chất thải cồng kềnh sau khi tháo rã thành các sản phẩm có khả năng tái chế, tái sử dụng và thải bỏ.

6. Đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cồng kềnh là tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt hoặc chất thải cồng kềnh.

7. Điểm tập kết chất thải cồng kềnh là điểm tiếp nhận chất thải cồng kềnh đã hoặc chưa xử lý sơ bộ (tháo rã, giảm kích thước) được chính quyền địa phương quy định và công bố.

8. *Chất thải rắn y tế* là chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở y tế hoặc các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh chất thải rắn y tế, bao gồm chất thải rắn y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường.

9. *Chất thải rắn y tế nguy hại* là chất thải ở dạng rắn chứa yếu tố lây nhiễm hoặc có đặc tính nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại, bao gồm chất thải rắn y tế lây nhiễm và chất thải rắn y tế nguy hại không lây nhiễm.

10. *Chất thải rắn y tế thông thường* là chất thải ở dạng rắn không chứa yếu tố lây nhiễm hoặc có đặc tính nguy hại khác dưới ngưỡng chất thải nguy hại, bao gồm chất thải rắn y tế thông thường từ sinh hoạt thường ngày (trừ chất thải rắn y tế thông thường từ sinh hoạt của khu vực cách ly, điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm) và chất thải rắn y tế thông thường từ hoạt động chuyên môn y tế.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý chất thải

1. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên, thích ứng có hiệu quả đối với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe Nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

2. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải; việc đầu tư mới các cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh theo hướng tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý thu hồi năng lượng, hạn chế và giảm dần tỷ lệ chôn lấp chất thải.

3. Khuyến khích tái chế, tái sử dụng chất thải rắn; áp dụng các công nghệ xử lý chất thải thân thiện với môi trường trong xử lý chất thải rắn, ưu tiên sử dụng chế phẩm sinh học nhằm xử lý chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ, phục vụ sản xuất phân bón vi sinh hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Việc sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý chất thải phải tuân theo quy định của pháp luật.

4. Khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia giám sát việc thực hiện các quy định quản lý chất thải trên địa bàn.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Điều 5. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: giấy thải, nhựa thải, kim loại thải, thủy tinh thải, vải, đồ da, đồ gỗ, cao su, thiết bị điện, điện tử thải bỏ.

b) Chất thải thực phẩm: thức ăn thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng, các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn, các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy, hải sản.

c) Chất thải rắn sinh hoạt khác: các chất thải rắn sinh hoạt còn lại.

Chất thải nguy hại gồm: Bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit thải, dung môi thải, kiềm thải, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại, bình gas mini từ hoạt động sinh hoạt; sơn, mực, chất kết dính (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất); găng tay, giẻ lau dính dầu, hóa chất; kim tiêm, khẩu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh phải bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì để an toàn, tránh phát tán chất thải nguy hại ra ngoài môi trường; thu, xếp gọn các vật sắc nhọn (như kim tiêm) để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý; các loại bóng đèn huỳnh quang thải; thủy tinh hoạt tính thải; nhiệt kế chứa thủy ngân đảm bảo thải không đập vỡ, trường hợp bị vỡ thì lưu giữ bảo đảm an toàn tránh gây thương tích, ngăn ngừa phát tán thủy ngân trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý; các loại pin, ắc quy thải phải giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.

Chất thải cồng kềnh gồm: tủ, bàn ghế, sofa, giường, nệm cũ hỏng; tủ sắt, khung cửa, cánh cửa phải được thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng; cành cây, gốc cây to phải được thu gọn, giảm kích thước, thể tích.

Chất thải khác còn lại gồm: vỏ các loại hạt như macca, óc chó, hạt điều, dừa, vỏ trứng, xơ dừa, rơm, trấu từ hoạt động sinh hoạt; chiếu cói; chiếu tre, trúc; gối mây, tre; lông gia súc, gia cầm; bã các loại: cà phê, trà (túi trà), bã mía, xác mía, cùi bắp; chất thải từ làm vườn từ hộ gia đình như lá, rễ, cành cây nhỏ, cỏ, hoa phải được thu gọn, giảm kích thước, thể tích; phân động vật cảnh; xác động vật cảnh chết không do dịch bệnh phải chứa trong vật đựng kín, không rò rỉ, ngăn ngừa phát tán mùi; tã, bỉm, băng, giấy vệ sinh, giấy ăn đã sử dụng; giấy ướt đã sử dụng; bông tẩy trang, khẩu trang; các loại hộp xốp; các loại sản phẩm nhựa sử dụng một lần; bã kẹo cao su, đầu lọc thuốc lá; bóng bay, băng keo dán, tăm bông tai, tăm chỉ kẽ răng; vỏ thuốc phải được thu gọn, giảm kích thước, thể tích, bảo đảm tránh rơi vãi; giày, dép nhựa, thước kẻ, muôi (vá), thìa (muỗng) bằng nhựa; bút, bật lửa đã hết gas, bàn chải đánh răng, vỏ tuýp, hộp kem đánh răng; các loại

nhựa thải khác phải được bó gọn; vỏ cứng các loài thủy, hải sản; xỉ than từ hoạt động sinh hoạt; gốm, sành, sứ thải phải được thu gọn, giảm thể tích, bảo đảm tránh rơi vãi và các loại chất thải còn lại phải được bó gọn.

2. Lộ trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân

a) Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030: chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được phân làm hai loại gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải rắn sinh hoạt còn lại (chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác).

b) Bắt đầu từ năm 2031: chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được phân làm ba loại gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác.

3. Chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân sau khi được phân loại phải được quản lý theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 75 Luật số 72/2020/QH14.

4. Thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Việc thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật số 72/2020/QH14.

b) Tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông thường thực hiện theo Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

c) Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5. Lựa chọn và xây dựng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

b) Các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp về cự ly vận chuyển đến các khu xử lý theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo QCVN 01:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người; được thiết kế theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; đảm bảo mỹ quan, không gây ô nhiễm môi trường đất, không khí và nguồn nước trong quá trình vận hành.

6. Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phải được xử lý tại các cơ sở được cơ quan có thẩm quyền cấp phép bằng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

7. Quản lý chất thải cồng kềnh

a) Phân loại chất thải cồng kềnh

Các tổ chức, cá nhân có phát sinh chất thải cồng kềnh có trách nhiệm tháo rã và giảm kích thước chất thải bỏ đến mức có thể lưu chứa được trong xe thu gom rác đẩy tay trước khi vận chuyển đến điểm tập kết. Trường hợp, tổ chức, cá nhân không tự tháo rã, giảm kích thước tại nơi phát sinh chất thải thì phải tháo rã và phân loại chất thải cồng kềnh tại điểm tập kết hoặc cơ sở xử lý; hoặc tự thỏa thuận với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải cồng kềnh để thực hiện việc tháo rã và phân loại chất thải cồng kềnh.

Chất thải cồng kềnh sau khi tháo rã phải phân loại thành các sản phẩm có thể tái chế, tái sử dụng và chỉ thải bỏ các thành phần không thể tái chế, tái sử dụng để giảm thiểu tối đa việc phát thải ra môi trường và tận dụng triệt để giá trị nguồn tài nguyên từ chất thải.

b) Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cồng kềnh

Tổ chức, cá nhân tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải cồng kềnh đến địa điểm tập kết (do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định) hoặc đến cơ sở xử lý.

Chất thải cồng kềnh sau khi tháo rã, giảm kích thước được vận chuyển và xử lý như chất thải rắn sinh hoạt.

Chất thải cồng kềnh được thu gom, vận chuyển từ nguồn thải đến điểm tập kết và đến điểm xử lý phải được vận chuyển bằng phương tiện vận chuyển chuyên dụng hoặc bằng các phương tiện đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Phương tiện vận chuyển chất thải cồng kềnh phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; đảm bảo không rơi vãi chất thải, rò rỉ nước thải, phát tán mùi hôi trong quá trình vận chuyển.

Chất thải cồng kềnh sau khi tập kết về điểm tiếp nhận phải được vận chuyển đi xử lý đảm bảo không để ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan khu vực.

Điều 6. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Điều 81, 82 Luật số 72/2020/QH14; khoản 25 và điểm e khoản 36 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15.

2. Nghiêm cấm các hành vi chuyển giao, đổ thải chất thải rắn công nghiệp thông thường vào các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

3. Tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND.

Điều 7. Quản lý chất thải nguy hại

1. Việc khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật số 72/2020/QH14; khoản 26 và điểm e khoản 36 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15; Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Điều 17 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

2. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, điểm a, b khoản 30 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; điểm e khoản 3 Điều 36 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3. Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 72 và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; điểm e khoản 3 Điều 36 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

4. Việc phân định chất thải công nghiệp phải kiểm soát là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

5. Nghiêm cấm các hành vi chuyển giao, đổ thải chất thải nguy hại vào các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

6. Tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải nguy hại thực hiện theo Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND.

Điều 8. Quản lý nước thải

1. Việc quản lý nước thải phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật số 72/2020/QH14, Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

2. Việc thu gom, xử lý nước thải và quan trắc nước thải thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật số 72/2020/QH14; khoản 28 và điểm e khoản 36 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15; Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Điều 28 và điểm e khoản 3 Điều 36 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3. Đối với hoạt động thoát nước và xử lý nước thải thực hiện theo Quyết định số 10/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 9. Quản lý bụi, khí thải công nghiệp và các chất ô nhiễm khác

1. Chất lượng môi trường không khí phải được quan trắc, theo dõi, giám sát thường xuyên, liên tục và công bố công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí; cảnh báo cho cộng đồng dân cư và triển khai biện pháp xử lý trong

trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm gây tác động đến sức khỏe cộng đồng.

2. Các nguồn phát thải bụi, khí thải và các chất ô nhiễm khác phải được quản lý, kiểm soát và quan trắc theo quy định tại khoản 3 Điều 72, Điều 88 Luật số 72/2020/QH14.

3. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất, lưu lượng khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân, công trình, thiết bị xử lý khí thải phải có chụp hút, thiết bị bảo đảm thu gom, xử lý khí thải phát sinh trước khi thải ra ngoài môi trường qua ống thải.

4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh có phát thải bụi, khí thải vào môi trường có trách nhiệm áp dụng các biện pháp giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi thải vào môi trường.

5. Việc quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ, mùi khó chịu thực hiện theo quy định tại Điều 89 Luật số 72/2020/QH14.

Chương III
QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ

Điều 10. Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế thông thường

1. Thu gom, lưu giữ chất thải rắn y tế thông thường

a) Chất thải rắn y tế thông thường từ sinh hoạt thường ngày được chủ nguồn thải chất thải thu gom riêng về khu vực điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, khoản 5 Điều 26 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

b) Chất thải rắn y tế thông thường từ hoạt động chuyên môn y tế được quản lý như đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường, được chủ nguồn thải chất thải thu gom riêng về khu vực lưu giữ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Điều 16 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

2. Vận chuyển chất thải rắn y tế thông thường

a) Chất thải rắn y tế thông thường từ sinh hoạt thường ngày được vận chuyển bởi các cơ sở có chức năng vận chuyển theo quy định của pháp luật. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn y tế thông thường từ sinh hoạt thường ngày phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

b) Chất thải rắn y tế thông thường từ hoạt động chuyên môn y tế được vận chuyển bởi các cơ sở có chức năng vận chuyển theo quy định của pháp luật. Phương tiện, thiết bị vận chuyển chất thải rắn y tế thông thường từ hoạt động

chuyên môn y tế phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường tại khoản Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Xử lý chất thải rắn y tế thông thường

a) Chất thải rắn y tế thông thường từ sinh hoạt thường ngày được xử lý theo quy định về xử lý như chất thải rắn sinh hoạt.

b) Chất thải rắn y tế thông thường từ hoạt động chuyên môn y tế được xử lý theo quy định về xử lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Điều 11. Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

1. Thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại

a) Chất thải rắn y tế nguy hại được chủ nguồn thải chất thải thu gom riêng đưa vào khu vực lưu giữ chất thải rắn y tế nguy hại tại cơ sở trước khi chuyển giao cho cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo quy định.

b) Cơ sở thu gom chất thải rắn y tế nguy hại được cấp có thẩm quyền hoặc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép có trách nhiệm đưa phương tiện vận chuyển chuyên dụng đến thu gom đưa về khu vực lưu giữ chất thải rắn y tế nguy hại của cơ sở đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Điều 18 và Điều 25 Thông tư 09/2026/TT-BNNMT.

c) Việc vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại được thực hiện bởi các cơ sở có chức năng vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép. Phương tiện, thiết bị vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu, quy định tại Điều 36, Điều 37 và khoản 3 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Điều 18 và bãi bỏ bởi Điều 25 Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT.

d) Phạm vi, phương thức thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại

Phạm vi thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại: tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Phương thức thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại: Các cơ sở có chức năng xử lý chất thải rắn y tế nguy hại được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép và cơ sở y tế xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tại chỗ sử dụng phương tiện, thiết bị vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại chuyên dụng đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại từ các khu vực phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải rắn y tế của cơ sở để xử lý.

2. Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

a) Chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý bởi các cơ sở có chức năng xử lý chất thải rắn y tế nguy hại được cấp có thẩm quyền hoặc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép.

b) Danh sách các cơ sở đủ điều kiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

Chương IV
QUẢN LÝ MỘT SỐ LOẠI CHẤT THẢI ĐẶC THÙ KHÁC

Điều 12. Quản lý chất thải rắn xây dựng

1. Phân loại chất thải rắn xây dựng

a) Chất thải rắn xây dựng phải được phân loại ngay tại nơi phát sinh, gồm các nhóm sau đây: nhóm chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế được; nhóm chất thải rắn xây dựng có thể tái sử dụng ngay trên công trường hoặc tái sử dụng ở các nơi khác; nhóm chất thải rắn xây dựng không tái chế, tái sử dụng được và phải đem đi xử lý.

b) Chất thải rắn xây dựng chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác được phân loại riêng và quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

c) Chất thải rắn xây dựng sau khi phân loại không được để lẫn với các chất thải khác và phải được lưu giữ riêng.

2. Thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn xây dựng

a) Khi tiến hành xây dựng công trình, chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng phải bố trí thiết bị hoặc khu lưu giữ chất thải rắn xây dựng trong khuôn viên công trường hoặc tại địa điểm theo quy định.

b) Chất thải rắn xây dựng phải được thu gom, vận chuyển đến điểm lưu giữ, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn được đầu tư xây dựng phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cơ sở tái chế, công trình khác để tái chế, tái sử dụng.

c) Các đơn vị thu gom hoặc chủ nguồn thải tự vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải có các phương tiện bảo đảm các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định, được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành theo quy định.

d) Trong quá trình thu gom, vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi, tuân thủ đúng thời gian, lộ trình về tuyến đường, an toàn giao thông và thực hiện theo Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND.

3. Tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng

a) Chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng theo quy định.

b) Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế, tái sử dụng được thu gom, vận chuyển đến điểm lưu giữ; trạm trung chuyển; cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng để tái chế, tái sử dụng hoặc xử lý tại nơi phát sinh với quy trình, công nghệ phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, môi trường.

c) Các loại chất thải rắn xây dựng được tái chế, tái sử dụng theo các mục đích sau: đất hữu cơ, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp; chất thải rắn xây dựng dạng bê tông và gạch vụn chủ yếu được tái chế thành cốt liệu thô, có thể sử dụng làm vật liệu sản xuất gạch, tấm tường, gạch lát nền, các sản phẩm vật liệu xây dựng khác hoặc san nền; chất thải rắn xây dựng như gỗ, giấy chủ yếu được tái chế làm nguyên liệu cho sản xuất giấy, gỗ và nhiên liệu đốt; chất thải rắn xây dựng là vật liệu hỗn hợp nhựa đường, có thể tái chế thành vật liệu bê tông nhựa *(dạng cốt liệu)*; phế liệu là thép và các vật liệu kim loại khác, có thể trực tiếp tái sử dụng hoặc làm nguyên liệu cho ngành luyện kim; các loại chất thải rắn xây dựng khác, tùy theo tính chất và đặc điểm *(thành phần)* được tái sử dụng, tái chế theo mục đích sử dụng phù hợp.

4. Xử lý chất thải rắn xây dựng

a) Khuyến khích việc xử lý chất thải rắn xây dựng tại nơi phát sinh với quy trình, công nghệ phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, môi trường.

b) Công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng: nghiền, sàng; sản xuất vật liệu xây dựng; chôn lấp; các công nghệ khác.

c) Công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng phải phù hợp với quy mô, công suất và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh tế xã hội.

5. Đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng

a) Việc đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng phải phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng.

c) Việc lựa chọn chủ đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 13. Quản lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu

1. Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu các hộ gia đình, cơ quan hành chính, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải được thông hút định kỳ.

2. Việc thông hút, vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải bằng các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3. Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải được thu gom, vận chuyển đến cơ sở xử lý được đầu tư xây dựng theo quy hoạch đô thị và nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc các địa điểm đã được cho phép để xử lý.

4. Chi phí thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu do các chủ hộ gia đình, cơ quan hành chính và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ chi trả theo hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ.

5. Bùn thải từ bể phót, hầm cầu được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại các Điều 81, 82 Luật số 72/2020/QH14; khoản 25 và điểm e khoản 36 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 và được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

6. Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn thải bể phốt, hầm cầu phải là các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về giao thông và bảo vệ môi trường.

Điều 14. Quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Bùn thải từ hệ thống thoát nước được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến các địa điểm xử lý theo quy hoạch hoặc các địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

2. Trường hợp bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định tại Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật số 72/2020/QH14; khoản 26, khoản 27, điểm a và điểm e khoản 36 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 và được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

3. Nội dung quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải.

4. Nghiêm cấm xả thẳng bùn thải vào hệ thống thoát nước, kênh rạch, ao hồ, môi trường xung quanh.

5. Đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển bùn thải từ hệ thống thoát nước phải đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng được phép lưu hành, chứng nhận kiểm định đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định; không gây rò rỉ, phát tán bùn, mùi ra môi trường; có biện pháp xử lý sự cố trong quá trình thu gom, vận chuyển bùn thải.

6. Việc chuyển giao bùn thải từ chủ nguồn thải hoặc từ đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển cho đơn vị xử lý phải được lập biên bản bàn giao, mỗi bên giữ một bản; phải phù hợp quy định về quản lý chất thải và quy định khác liên quan.

7. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý bùn từ hệ thống thoát nước phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật số 72/2020/QH14 và các quy định liên quan.

Điều 15. Quản lý chất thải nhựa

Việc quản lý chất thải nhựa thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 73 Luật số 72/2020/QH14; Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định sau đây:

1. Hạn chế sử dụng băng rôn, khẩu hiệu, chai, cốc, ống hút, bát, đũa nhựa dùng một lần tại công sở và trong các hội nghị, hội thảo, cuộc họp và ngày lễ, lễ kỷ niệm và các sự kiện khác; ưu tiên chọn các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường.

2. Chủ các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch xây dựng kế hoạch hạn chế sử dụng và tiến tới không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học.

3. Các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện việc phân loại chất thải nhựa tại nguồn để tái sử dụng, tái chế phục vụ sản xuất hàng hóa, vật liệu xây dựng, công trình giao thông; trường hợp không thể tái chế, chất thải nhựa phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng theo quy định. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương V
TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ nguồn thải

1. Thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải cho đơn vị thu gom, vận chuyển đúng thời gian, phương thức theo quy định. Trường hợp chủ nguồn thải và đơn vị thu gom, vận chuyển tự thỏa thuận, thực hiện thu gom, chuyển giao theo thời gian, phương thức đã thỏa thuận, đảm bảo vệ sinh môi trường.

2. Thực hiện hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; các quy định về quản lý cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển xử lý chất thải và các quy định hiện hành liên quan.

3. Chi trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật hoặc theo hợp đồng giữa chủ nguồn thải và tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

4. Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, sử dụng thiết bị lưu chứa đúng quy định; thu gom, tập kết chất thải đúng thời gian, đúng nơi quy định; không được vứt, thải, đổ, bỏ chất thải ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động.

5. Cá nhân, chủ nguồn thải kinh doanh dịch vụ ăn uống phải bố trí thùng chứa rác phù hợp tại khu vực kinh doanh dịch vụ ăn uống.

6. Phối hợp cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chất thải.

7. Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải; các vi phạm đối với Quy định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Đối với chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường tự xử lý chất thải phải đảm bảo an toàn về môi trường. Trường hợp chủ nguồn thải có hồ sơ bảo vệ môi trường, thực hiện

theo hồ sơ bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

9. Tham gia các lớp tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải; tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào thu gom rác thải, vệ sinh môi trường do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động; tham gia xây dựng tuyến phố, tuyến đường, tổ dân phố, khu dân cư, tổ tự quản, văn minh "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp".

Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải

1. Quản lý, giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao; theo dõi, kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất thải, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại chất thải đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư xác định và công bố rộng rãi thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan tuyên truyền vận động hộ gia đình, chủ nguồn thải về trách nhiệm quản lý chất thải.

6. Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi hoặc rò rỉ nước rỉ rác gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển đến các điểm tập kết, khu vực xử lý.

7. Đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

8. Tổ chức khám bệnh định kỳ, bảo đảm các chế độ cho người lao động tham gia thu gom, vận chuyển chất thải theo quy định.

9. Định kỳ trước ngày 10 tháng 01 năm sau, chủ cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải báo cáo thống kê danh sách số lượng chủ nguồn thải, khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển; số lượng, loại phương tiện thu gom, địa bàn thu gom chất thải trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường của năm, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

10. Các tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước có trách nhiệm đảm bảo chất lượng phương tiện thu gom, vận chuyển đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị xử lý chất thải

1. Thực hiện các công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2. Quản lý, vận hành cơ sở xử lý chất thải theo đúng quy trình công nghệ. Thực hiện xử lý chất thải theo đúng quy định này và quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo tái sử dụng, tái chế tối đa chất thải, giảm thiểu chất thải phải chôn lấp, không được để lẫn các loại chất thải đã phân loại để xử lý.

3. Có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước, các bên có liên quan trong trường hợp ngừng dịch vụ xử lý để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hạ tầng, thiết bị xử lý chất thải. Nội dung thông báo phải nêu rõ lý do, thời gian tạm dừng, thời gian tiếp tục xử lý.

4. Khi phát hiện sự cố môi trường phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và xây dựng các biện pháp khắc phục; kịp thời thông báo với chính quyền địa phương, cơ quan quản lý tài nguyên, môi trường và các cơ quan có liên quan để phối hợp xử lý.

5. Phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn an ninh trật tự, an toàn khu vực xử lý và xung quanh cơ sở xử lý chất thải được giao quản lý, vận hành.

6. Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý chất thải theo quy định.

7. Lập báo cáo công tác xử lý chất thải định kỳ hàng năm theo quy định, hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả công tác quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo quy định tại Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Sở Y tế

a) Hướng dẫn các cơ sở phát sinh chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện các nội dung tại Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn y tế, đặc biệt là chất thải rắn y tế nguy hại theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT,

Luật số 72/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành; xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong công tác quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng đơn giá xử lý chất thải y tế nguy hại đối với các cơ sở y tế xử lý cho phù hợp với tình hình thực tế.

d) Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở y tế được chỉ định xử lý chất thải y tế nguy hại trong việc sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định.

đ) Chủ trì hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại từ các khu cách ly y tế tập trung (bên ngoài khuôn viên cơ sở y tế) đến cơ sở xử lý chất thải y tế nguy hại trong trường hợp phát sinh dịch bệnh quy mô lớn theo quy định.

e) Tổng hợp, báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế trên địa bàn theo mẫu quy định tại Mục B Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT và gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế trước ngày 20 tháng 12 của kỳ báo cáo (kỳ báo cáo 01 năm một lần tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm thực hiện báo cáo).

3. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động vận chuyển, phương tiện vận chuyển chất thải theo thẩm quyền.

b) Phối hợp với các Sở, ban, ngành tham mưu quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

c) Phối hợp với các Sở, ban, ngành kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan quản lý chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

d) Giám sát các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật.

đ) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo tình hình hoạt động quản lý chất thải rắn xây dựng, các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Thực hiện nội dung khác thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các chủ đầu tư (nếu có), căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách và định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho hoạt động quản lý chất thải trong dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về các thủ tục liên quan đến đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách thực hiện các dự án trong lĩnh vực xây dựng cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan. Phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương nhằm tăng cường kêu gọi các dự án đầu tư cơ sở xử lý chất thải nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện nội dung khác thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu các công nghệ trong lĩnh vực xử lý chất thải phù hợp với định hướng, quy hoạch của tỉnh; hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường trong lĩnh vực xử lý chất thải phù hợp với các Chương trình, Kế hoạch của ngành.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan ý kiến, thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ và các quy định của pháp luật khác liên quan.

c) Phối hợp tham mưu phát triển hạ tầng số, nền tảng dữ liệu và hệ thống quan trắc phục vụ quản lý, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và tính minh bạch thông tin.

d) Thực hiện nội dung khác thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

6. Sở Công Thương

Triển khai đến các tổ chức, cá nhân liên quan về lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa được quy định tại Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

7. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý, vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, Công an cấp xã thường xuyên kiểm tra, phát hiện các tổ chức, cá nhân vi phạm trong công tác quản lý chất thải, vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh để xử lý theo quy định của pháp luật; tăng cường công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý chất thải.

c) Chỉ đạo các lực lượng công an cấp xã tăng cường công tác nắm tình hình; thường xuyên trao đổi thông tin, phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh;

đ) Thực hiện nội dung khác thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

8. Thuế tỉnh Quảng Ngãi

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải thực hiện sử dụng chứng từ thu; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải vào ngân sách nhà nước theo quy định.

9. Các Sở, ban, ngành khác

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và nội dung của Quy định này.

10. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu Lý Sơn

a) Tổ chức, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn. Trong trường hợp phát hiện những vi phạm về quản lý chất thải thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra công tác tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về bảo vệ môi trường, thu gom rác thải vệ sinh môi trường đến toàn thể nhân dân trên hệ thống phát thanh - truyền hình, trang thông tin điện tử cấp xã và mạng xã hội.

d) Chỉ đạo, triển khai thực hiện các mô hình bảo vệ môi trường làng nghề; đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn quản lý.

đ) Chỉ đạo các khu dân cư, tổ dân phố, làng, cộng đồng dân cư tham gia giữ gìn vệ sinh đường phố, nơi công cộng và hệ thống kênh mương, ao, hồ, sông, suối trên địa bàn, thực hiện quy định về quản lý chất thải và đăng ký thực hiện quy ước, hương ước, cam kết giữ gìn vệ sinh.

e) Khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia giám sát việc thực hiện các quy định quản lý chất thải trên địa bàn thông qua các biện pháp hỗ trợ cụ thể như: cung cấp số điện thoại đường dây nóng để phản ánh kịp thời các hành vi vi phạm; tổ chức tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải; thành lập các nhóm giám sát cộng đồng nhằm tăng cường hiệu quả giám sát và thực thi các quy định.

g) Định kỳ hàng năm lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy định.

Điều 20. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi và các tổ chức thành viên

1. Tuyên truyền, vận động toàn thể hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại rác thải tại nguồn; thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, nói không với túi ni lông khó phân hủy.

2. Chủ trì phát động và duy trì các phong trào thu gom rác thải và vệ sinh môi trường; xây dựng khu dân cư, tuyến đường tự quản về vệ sinh môi trường; xây dựng, hình thành tuyến phố, tuyến đường, tổ dân phố, khu dân cư tự quản, văn minh "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp"; xây dựng và phát triển các phong trào tự quản bảo vệ môi trường gắn với Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

3. Phát huy vai trò trong đề xuất, phản biện xã hội, góp ý xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý chất thải rắn, bảo vệ môi trường. Giám sát trách nhiệm của các cấp chính quyền và cơ quan chức năng, các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; việc thu gom, xử lý chất thải rắn của các địa phương, tổ chức, cá nhân, các dự án và việc xử lý vi phạm về quản lý chất thải rắn.

4. Tiếp tục xây dựng mới và nhân rộng các mô hình, điển hình của cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ môi trường, thực hiện nếp sống văn minh, vệ sinh môi trường. Trong đó tập trung ưu tiên xây dựng mới và nhân rộng tới các khu dân cư trên địa bàn tỉnh các mô hình về phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và giữ gìn vệ sinh môi trường ở cộng đồng dân cư.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đã thực hiện ký kết hợp đồng với các cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, trong đó có nội dung chưa phù hợp với Quy định này thì phải thực hiện điều chỉnh, bổ sung hoặc ký kết lại hợp đồng cung ứng dịch vụ theo đúng Quy định này.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới./.

PHỤ LỤC

Danh sách các cơ sở đủ điều kiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ
1	Khu xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tập trung tỉnh Quảng Ngãi	Thôn An Định, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi
2	Khu liên hiệp xử lý chất thải EME Dung Quất (là cơ sở thuộc Công ty Cổ phần Cơ Điện Môi trường Lilama)	Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
3	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	Xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi
4	Các cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại khác được cấp có thẩm quyền hoặc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép theo quy định	Trong và ngoài địa bàn tỉnh Quảng Ngãi